

Số: 69/QĐ-THPT

Cao Bằng ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026
của trường THPT thành phố Cao Bằng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2567/QĐ-SGD&ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo Dục và Đào tạo Cao Bằng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Kế toán trường THPT thành phố Cao Bằng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 của Trường THPT thành phố Cao Bằng (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Kế toán, các tổ chuyên môn, các đoàn thể nhà trường và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- BGH;
- các tổ chuyên môn;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Minh Hương

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 692/QĐ-THPT TP ngày 31/12/2025 của Trường THPT thành phố Cao Bằng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Nguồn ngân sách trong nước	19.874,310
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	19.874,310
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.939,200
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.935,110
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Phạm Minh Hương

Số: 2567/QĐ-SGDĐT

Cao Bằng, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CAO BẰNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2026;

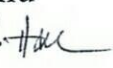
Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho các đơn vị dự toán trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng, với tổng số tiền là 745.760.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng), chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026 được giao tại Điều 1, thủ trưởng các đơn vị thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN KV VII địa bàn Cao Bằng;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH_(QN).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thu



Cấp ngân sách: Cấp 2

Đơn vị dự toán cấp I: Sở GDĐT

Mã số đơn vị SDNS: 1061785

CHI TIẾT GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026

Đơn vị trực thuộc: Trường THPT thành phố Cao Bằng

Mã số đơn vị SDNS: 1076792

Mã KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch: 2361

(Kèm theo Quyết định số 2567/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở GDĐT Cao Bằng)

Nội dung	Số tiền (đồng)
I. Thu, chi, nộp ngân sách về phí, lệ phí	
1. Tổng thu phí, lệ phí	
- Phí tuyển dụng viên chức	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
- Phí tuyển dụng viên chức	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
- Phí tuyển dụng viên chức	
II. Dự toán chi ngân sách Nhà nước	19.874.310.000
A. Chi thường xuyên	19.874.310.000
1. Chi quản lý Nhà nước	
Loại 340 Khoản 341	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	
2. Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	19.874.310.000
Loại 070 Khoản 071	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	
Loại 070 Khoản 073	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	
Loại 070 Khoản 074	19.874.310.000
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	15.939.200.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	3.101.110.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	834.000.000
Loại 070 Khoản 075	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	
Loại 070 Khoản 093	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 18)	
Loại 070 Khoản 098	
- Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	
3. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
Loại 100 Khoản 121	
- Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)	